

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 47/2004/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2004

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát Hải quan và chính sách thuế đối với

hàng hoá buôn bán qua biên giới với các nước có chung biên giới theo Quyết định số 52/2003/QĐ-TTg ngày 24/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 101/2001/NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Quyết định số 252/2003/QĐ-TTg ngày 24/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý buôn bán hàng hoá qua biên giới với các nước có chung biên giới;

Trong khi chưa ban hành Thông tư liên tịch giữa các Bộ liên quan, Bộ Tài chính tạm thời hướng dẫn thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát Hải quan và chính sách thuế như sau:

I. QUI ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát Hải quan và chính sách thuế đối với hoạt động buôn bán hàng hoá qua biên giới với các nước có chung biên giới.

2. Tất cả hàng hoá khi qua cửa khẩu biên giới đều phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát Hải quan, phải nộp thuế và lệ phí (nếu có) theo qui định của Pháp luật.

II. QUI ĐỊNH CỤ THỂ

1. Về chất lượng hàng hoá buôn bán qua biên giới (qui định tại khoản 2, Điều 3, Chương I):

Đối với hàng hoá nhập khẩu thuộc danh mục phải kiểm tra chất lượng và kiểm dịch theo qui định hiện hành thì phải được kiểm tra về chất lượng trước khi thông quan; không được nhập khẩu qua những cửa khẩu không có các điểm kiểm dịch động thực vật, kiểm tra chất lượng hàng hoá theo qui định của pháp luật Việt Nam.

2. Về chính sách thuế (qui định tại Điều 5, Chương I):

a. Đối với hàng hoá buôn bán qua biên giới: Phải nộp thuế và lệ phí (nếu có) theo qui định của Pháp luật.

b. Đối với hàng hoá trao đổi, mua bán của cư dân biên giới:

- Chỉ được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá do cư dân nước có chung biên giới sản xuất.

- Định mức miễn thuế nhập khẩu: không quá 500.000đồng/1người/1ngày. Hàng hoá là sản phẩm không thể cắt rời, nếu giá trị một đơn vị sản phẩm vượt mức qui định, thì phải nộp thuế phần vượt (kể cả vật nguyên con, nguyên chiếc, nguyên cái, nguyên bộ).

- Hàng hoá không do cư dân nước có chung biên giới sản xuất không được miễn thuế nhập khẩu.

- Hàng hoá do các đối tượng không phải là cư dân biên giới mua bán, trao đổi không được miễn thuế nhập khẩu.

3. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới; hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu:

3.1. Hồ sơ hải quan:

a. Đối với hàng hoá nhập khẩu biên giới; hàng hoá đưa vào chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu:

- Tờ khai Hải quan: Sử dụng tờ khai hàng hoá nhập khẩu (ký hiệu HQ/2002-NK ban hành kèm theo Quyết định 1257/2001/QĐ-TCHQ ngày 4/12/2001 của Tổng cục

trưởng Tổng cục Hải quan): 02 bản chính;

- Các chứng từ khác thực hiện theo qui định về hồ sơ hải quan, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán ban hành kèm theo Quyết định số 56/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, trừ vận tải đơn.

Riêng hộ kinh doanh thuộc các tỉnh tiếp giáp biên giới và cửa nước có chung biên giới kinh doanh tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu, thì không yêu cầu phải có các chứng từ nêu trên, trừ 02 loại chứng từ sau:

+ Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hoá hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng hàng hoá do cơ quan kiểm tra Nhà nước về chất lượng cấp (đối với hàng hoá phải kiểm tra chất lượng);

+ Giấy đăng ký kiểm dịch do cơ quan kiểm dịch cấp (đối với hàng hoá nhập khẩu thuộc diện phải kiểm dịch).

b. Đối với hàng hoá xuất khẩu biên giới:

- Tờ khai hải quan:

+ Trường hợp hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng mua bán: Sử dụng tờ khai hàng hoá xuất khẩu (ký hiệu HQ/2002-XK ban hành kèm theo Quyết định 1257/2001/QĐ-TCHQ ngày 4/12/2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan): 02 bản chính;

+ Trường hợp hàng hoá xuất khẩu không có hợp đồng mua bán: Sử dụng tờ khai hàng hoá xuất khẩu biên giới (ký hiệu HQ/2002-XKBG ban hành kèm theo Quyết định 1473/2002/QĐ-TCHQ ngày 24/5/2002 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; Quyết định số 24/2004/QĐ-BTC ngày 5/3/2004 của Bộ Tài chính): 02 bản chính;

- Các chứng từ khác thực hiện theo qui định về hồ sơ hải quan, quy trình thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng mua bán ban hành kèm theo Quyết định số 56/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, phù hợp với từng loại hình.

c. Đối với hàng hoá mua bán, trao đổi của cư dân biên giới:

- Hàng hoá trao đổi, mua bán của cư dân nước có chung biên giới không yêu cầu phải khai trên tờ khai Hải quan.